

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/9/2020

V/v: *Ly hôn, con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Thắng

2. Ông Hoàng Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị L**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Xóm Láng Mái, xã Tinh Nhuệ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 9, xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh **Khuất Văn T**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Xóm Láng Mái, xã Tinh Nhuệ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Loan có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tú vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Lưu Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị L và anh Khuất Văn T có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An vào năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T tại xóm Láng Mái, xã Tinh Nhuệ, huyện Thanh Sơn. Quá trình chung sống không hạnh phúc thường nảy sinh cãi vã xung đột nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, đến năm 2017 mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị L làm đơn xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Lưu Thị L xác nhận chị và anh Khuất Văn T có 01 con chung là cháu Khuất Thị Khánh M, sinh ngày 17/11/2015. Hiện nay cháu M đang ở cùng ông bà nội ở xã Tinh Nhuệ vì chị L và anh T đều đi làm ăn thỉnh thoảng về thăm con. Nguyên vọng của chị L là xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị L xin thay đổi quan điểm, tự nguyện giao con chung cho anh T nuôi vì hiện nay chị đi làm ăn, không có chỗ ở ổn định, cháu M ở cùng với bố và bà từ nhỏ nên chị sợ thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Chị Lưu Thị L khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn, anh Khuất Văn T trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng việc lấy lời khai của mẹ đẻ anh T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2020 mẹ đẻ anh T là bà Đà Thị D khai như sau: Anh Khuất Văn T, sinh năm 1996 có đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại xóm Láng Mái, xã Tinh Nhuệ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Năm 2016 anh T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với chị Lưu Thị L tại UBND Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình bà nhưng không hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã xung đột với nhau. Sau đó vợ chồng anh T, chị L đi làm ăn xa mỗi người một nơi, không chung sống cùng nhau.

Anh T và chị L có 01 con chung là cháu Khuất Thị Khánh M, sinh ngày 17/11/2015, hiện đang ở cùng bà D vì chị L và anh T thường xuyên đi làm ăn xa nên bà D chăm sóc cháu M từ nhỏ. Nếu anh T và chị L ly hôn quan điểm của gia đình là tiếp tục xin được nuôi cháu M và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T và chị L không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì. Anh T hiện nay là lao động tự do, sống cùng nhà với bà D, anh T đi làm ăn ở Hà Nội thỉnh thoảng vẫn về thăm nhà thăm con. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án có gửi các giấy tờ cho anh T gia đình đều nhận được và giao lại cho anh T nhưng do công việc ở xa nên anh T có nói lại là không thể đến Tòa án làm việc được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét

xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 - Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 72- Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cho anh T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Khuất Thị Khánh M đến khi con chung thành niên. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lưu Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Khuất Văn T, đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – anh Khuất Văn T có địa chỉ tại Xóm Láng Mái, xã Tinh Nhuệ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T được Tòa án tổng đạt giấy báo hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả chị L và anh T là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị L và anh Khuất Văn T có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An vào năm 2016. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Căn cứ vào lời khai của chị L, lời khai của mẹ đẻ anh T là bà Đà Thị D và biên bản xác minh ngày 20/8/2020 của trưởng khu hành chính xóm Láng Mái, xã Tinh Nhuệ, huyện Thanh Sơn là ông Nguyễn Văn L xác định sau khi kết hôn chị L và anh T chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống vợ chồng nảy sinh cãi vã xung đột. Vợ chồng đi làm ăn mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay chị L khẳng định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2017 không còn quan tâm gì đến nhau nữa nên kiên quyết xin ly hôn. Về phía bị đơn anh Lưu Văn T quá trình Tòa án giải quyết vụ án có biết việc Tòa án thụ lý vụ án, biết việc được Tòa án triệu tập và biết Tòa án đến làm việc tại gia đình nhưng anh T không đến Tòa án để tiến hành hòa giải, không trình bày quan điểm hay đưa ra phương án gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, thể hiện thái độ bỏ mặc quan hệ hôn nhân, không có nguyện vọng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Như vậy có thể thấy đời sống chung vợ chồng giữa chị L và anh T thực tế không tồn tại, mâu thuẫn không có khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân

không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lưu Thị L và anh Khuất Văn T có 01 con chung là cháu Khuất Thị Khánh M – Sinh ngày 17/11/2015. Hiện nay cháu M đang ở cùng ông bà nội vì chị L và anh T đều đi làm ăn thỉnh thoảng về thăm con. Tại bản tự khai chị L xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/9/2020 chị L tự nguyện giao cho anh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì hiện nay chị đi làm ăn xa, không có chỗ ở ổn định hơn nữa cháu ở với bố và bà từ nhỏ nên chị L sợ ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu. Gia đình anh T cũng tha thiết xin được nuôi cháu My. HĐXX thấy rằng: Về điều kiện nuôi con Anh T và chị L đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, cả hai đều phải nhờ đến bố mẹ để chăm sóc con cái để đi làm ăn. Thực tế cháu M sống cùng bà nội từ nhỏ còn chị L và anh T thường xuyên đi làm xa. Chị L quê quán ở tỉnh Nghệ An, nếu giao con cho chị L thì cháu M sẽ phải thay đổi môi trường sống, sinh hoạt và học tập. Chị L tự nguyện giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy HĐXX thấy rằng cần giao con chung là cháu M cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung; nợ chung; tư trang riêng và công sức đóng góp: Chị Lưu Thị L xác định chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung. Anh T không có mặt, không có ý kiến nên HĐXX không xem xét.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị L phải nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị L được ly hôn với anh Khuất Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Khuất Văn T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Khuất Thị Khánh M, sinh ngày 17/11/2015 đến khi cháu M thành niên. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2020/0003151 ngày 11/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Nay chuyển thành án phí.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở UBND xã nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện.
- Cơ quan THADS huyện.
- UBND xã Nghi Tiến,
- huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Duyên Hòa